TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Đào– Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Hằng – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 102/2021/TLST –DS ngày 12 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phí Ngọc M, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường M, TX.P, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn*: Bà Võ Thị X, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

Ông Võ Quang Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

** Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố 3, phường M, TX.P, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện nguyên đơn ông Phí Ngọc M trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 4 năm 2021 hoặc tháng 5/2021 bà X có liên hệ với bà H để vay số tiền 1.300.000.000 đồng để làm thủ tục đáo sổ ngân hàng tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, lãi suất 0,2%/ ngày. Sau quá trình trao đổi, thì bà H đồng ý cho gia đình bà X vay, nhưng bà H có nói bà X là sau khi bà H trả tiền vào ngân hàng thì ngay lập tức làm thủ tục vay lại để trả tiền cho bà H thì bà X đồng ý. Bà X hẹn bà H đến ngày 04/5/2021 mang tiền đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước cho bà X vay tiền. Đến ngày 04/5/2021 bà H mang số tiền 1.300.000.000 đồng đến ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, lúc đó bà X, chị H2, anh Đ đã có mặt ở ngân hàng chờ bà H. Tại nhà xe của ngân hàng bà H có hỏi sổ đứng tên ai, ai là người vay, bà X có nói là sổ của bà X, H2 là người đứng ra vay ngân hàng trả lại tiền lại cho bà H, bà H có yêu cầu gia đình bà X viết giấy biên nhận vay tiền thì H2 có viết và hai vợ chồng H2, Đ cùng ký tên vào giấy biên nhận vay tiền. Sau khi viết giấy biên nhận vay tiền xong thì bà H cùng vợ chồng H2, Đ, bà X vào trong ngân hàng bà H có đưa cho H2 số tiền 1.300.000.000 đồng để H2 trả tiền vào ngân hàng. Sau khi trả tiền xong thì bà H với bà X, vợ chồng H2, Đ cùng nhau lên phòng tín dụng để làm thủ tục xin vay lại thì cán bộ ngân hàng nói là 02 sổ đỏ thì có 01 sổ đỏ chưa đổi sổ chính quy nên hướng dẫn ra chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập để hỏi thông tin sổ đã đổi sổ chính quy chưa rồi báo lại cho ngân hàng. Lúc đó bà X có đưa lại giấy biên nhận vay tiền cho bà H do hai sổ đỏ đứng tên bà X, ông B thì bà H có yêu cầu bà X ký tên vào giấy mượn tiền thì bà X nói là bà H yên tâm vì sổ đỏ bà X, ông B ủy quyền cho H2 vay tiền thời hạn là 5 năm, ngày mai (tức là ngày 05/5/2021) ngân hàng giải ngân thì sẽ trả tiền lại cho

bà H, nói bà H yên tâm đi, còn giờ để bà X đến chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai hỏi trước rồi quay lại ký vay luôn. Bà H đưa lại giấy tờ cho bà X và có kêu tài xế của bà H chở bà X cùng bà H đi qua chi nhánh để hỏi rồi quay lại ngân hàng. Do sổ chưa đổi sổ chính quy nên cán bộ ngân hàng có nói là để xin ý kiến lãnh đạo hẹn mọi người ngày mai quay lại. Đến sáng ngày mai (ngày 05/5/2021) cán bộ ngân hàng có liên hệ với H2 để báo là ngân hàng đồng ý cho vay nhưng không liên lạc được thì cán bộ ngân hàng có liên hệ với bà H nhờ báo lại với H2. Đến chiều ngày 05/5/2021 khoảng 13 giờ 30 phút bà H tới nhà bà X để thông báo là ngân hàng đồng ý cho vay, bà H nói với bà X là bà X, H2, Đ cùng với tới ngân hàng để làm thủ tục vay lại thì bà X viện lý do chưa thu xếp được để đến ngân hàng và hẹn bà H vài ngày sau mới tới ngân hàng để làm thủ tục vay lại. Bà X có đưa cho bà H 02 sổ đỏ, chứng minh nhân dân của H2 cho bà H giữ, bà X nói là bà H là cứ giữ 02 cuốn sổ đỏ này xem như bà X thế chấp cho bà H vài ngày sau làm thủ tục vay được thì trả tiền lại cho bà H, tiền lãi bà X thanh toán đủ cho bà H. Vài ngày sau bà H có liên hệ bà X để trao đổi việc vay tiền ngân hàng lại để trả tiền cho bà H, bà X có nói là do H2 và Đ đang trục trặc về chuyện tình cảm với nhau đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nên không để H2, Đ vay tiền nữa và nói bà H là cứ giữ 02 sổ đỏ của bà X, ông Bình đi chờ hai đứa ly hôn xong thì bà X sẽ làm thủ tục vay tiền trả tiền cho bà H. Nay bà X yêu cầu chị H2, anh Đ, bà X và ông Bình có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và lãi suất chậm trả nợ theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay 05/5/2021 cho đến khi rả hết nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà H không yêu cầu ông Bình có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà H mà chỉ yêu cầu chị H2, anh Đ, bà X có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và lãi suất chậm trả nợ theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay 05/5/2021 cho đến khi rả hết nợ.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H2 tại biên bản lấy lời khai:

Tôi không có vay của bà H số nào cả, do trước đó vợ chồng tôi có mượn của ba mẹ tôi có 02 sổ đỏ để thế chấp vay tiền ngân hàng, vào 04 tháng 5 năm 2021 đến hạn đáo sổ ngân hàng thì chồng tôi có gọi cho tôi về để ký đáo hạn lấy sổ ra để trả cho ba mẹ tôi, còn mọi việc thì để chồng tôi lo, lúc tôi về thì chồng tôi có kêu tôi viết giấy biên nhận vay tiền của bà H (tôi không biết là ai) với nội dung là vợ chồng tôi có vay của cô H số tiền 1.300.000.000 đồng, tôi và chồng tôi có ký tên vào giấy vay tiền, sau đó bà H có nói gì với ngân hàng thì tôi không biết, sau đó tôi đi về. Mục đích để vay xong đưa về bố mẹ chồng và gia đình chồng để làm ăn, tại thời điểm đó

tôi sống chung với gia đình nhà chồng, tôi không được tính toán với gia đình nhà chồng, tại thời điểm đó gia đình chồng cùng với chồng buôn bán mủ cao su với thu mua điều. Tại thời điểm năm 2018 mượn sổ để vay tiền ngân hàng thì giữa ba mẹ ruột tôi và ba mẹ chồng không có viết giấy. Đối với số tiền vay 1.300.000.000 đồng đã đáo hạn 02 lần, lần đầu thì mẹ chồng, chồng kêu người đáo hạn, tôi ký vào hồ sơ đáo hạn, mẹ chồng có liên hệ với 01 người ở Đăk Ơ để vay tiền (tôi không nhớ tên cụ thể), tôi với mẹ tôi có ký tên vào giấy mượn tiền tại ngân hàng, lần thứ hai thì tôi đang làm việc dưới thành phố chồng tôi có gọi tôi về ký để ký đáo hạn lấy sổ ra cho ba mẹ tôi, còn mọi việc thì để chồng tôi lo, lúc tôi về thì chồng tôi có kêu tôi viết giấy biên nhận vay tiền của bà H (tôi không biết là ai) với nội dung là vợ chồng tôi có vay của cô H số tiền 1.300.000.000 đồng, tôi và chồng tôi có ký tên vào giấy vay tiền, sau đó bà H có nói gì với ngân hàng thì tôi không biết, sau đó tôi đi về. Sau khi đáo hạn xong thì các bên có lên gặp cán bộ ngân hàng tên là Trọng để hỏi lại thủ tục vay tiền lại thì ông Trọng có nói là do một cuốn sổ chưa đổi sổ chính quy nên không vay được lại số tiền 1.300.000.000 đồng. Sau đó mẹ tôi có đi nhưng qua chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để hỏi thì người đi chung với bà H vào chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai để hỏi chứ mẹ tôi không hỏi. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi, anh Đ, bà X và ông Bình có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng và lãi suất thì tôi đồng ý trả cho bà H nhưng khi nào chồng và gia đình nhà chồng đưa tiền cho tôi thì tôi mới trả cho bà H.

3. Bị đơn anh Võ Quang Đ trình bày:

Tôi với chị H2 là vợ chồng, kết hôn năm 2017, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng cần vốn làm ăn nên có hỏi mượn của bố mẹ vợ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay ngân hàng lấy vốn làm ăn. Vào năm 2018 thì bố mẹ vợ có cho vợ chồng tôi mượn 02 cuốn sổ đỏ, vợ chồng tôi đã vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập số tiền 1.300.000.000 đồng. Số tiền này vợ chồng tôi vay để mua điều trữ, đến cuối năm 2018 thì bán điều đi, được số tiền chung tôi lại tiếp tục đầu tư mua mủ cao su, trong quá trình làm ăn buôn bán có thua lỗ, hai vợ chồng lại mượn bố mẹ vợ 01 cuốn sổ nữa để vay ngân hàng với số tiền 700.000.000 đồng. Đến năm 2021 thì tôi đã trả được số tiền 700.000.000 đồng cho ngân hàng và rút sổ ra trả lại cho bố mẹ vợ, còn 02 cuốn sổ đến tháng 4 năm 2021 thì đến hạn trả nợ nên tôi có xin bố mẹ vợ cho chúng tôi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đáo hạn vay lại. Bố mẹ vợ tôi dã đồng ý, thì bà X nói là có cô H trong Đắk Ơ cho vay đáo hạn, liên hệ với bà H để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng nên tôi có liên lạc với bà Nguyễn Thị H để vay tiền đáo hạn lại. Sau đó, bà H có liên lạc với bố mẹ vợ tôi không thì tôi không biết nhưng sau đó bà H có đồng

ý cho tôi vay tiền và hẹn cùng nhau đến ngân hàng để trả tiền lấy sổ làm thủ tục vay lại. Đến ngày trả nợ thì tôi cùng với H2, bà X cùng lên ngân hàng gặp bà H, tại ngân hàng thì bà H có hỏi mẹ tôi là trả tiền xong thì có vay lại không thì mẹ tôi nói có vay lại rồi bà H đưa giấy vay tiền cho vợ tôi ghi, còn tôi đi phô tô giấy tờ, khi về thì vợ tôi đưa giấy cho tôi ký. Ký xong thì bà H cầm giấy vay tiền rồi vào ngân hàng trả tiền, lấy sổ ra. Sau đó đưa lại ngân hàng làm thủ tục vay thì anh Trọng - cán bộ ngân hàng nói có một sổ là chính quy còn một sổ không chính quy nên không đủ được số tiền đã trả, muốn vay lại thì đi đổi số chính quy mới vay được. Bà H chở bà X lên phòng Văn phòng đăng ký đất đai hỏi sổ đã chính quy chưa thì được biết là sổ chưa chính quy. Bà H có liên hệ với ngân hàng xin vay lại 01 năm thì được hẹn qua ngày hôm sau. Đến ngày hôm sau tôi có lên nhà mẹ vợ thì được bố mẹ cho biết là bà H đến nhà nói quá đáng nên không cho vợ chồng tôi vay lại nữa, còn tôi không biết nguyên nhân gì cả. Nên từ đó đến giờ cũng chưa vay được tiền trả cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi, bà X trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và lãi suất thì tôi đồng ý vì đây là khoản nợ của vợ chồng giữa tôi và H2 nên đề nghị cả H2 cùng có nghĩa vụ trả nợ.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X trình bày tại biên bản lấy lời khai:

Tôi không có vay tiền của bà H mà người vay tiền của bà H là vợ chồng Đ, H2, mục đích vay tiền là để trả nợ ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng. Nguyên nhân sự việc trên là do vào ngày 25/4/2018 ông Võ Quang Quyền và con trai Võ Quang Đ (cũng là con rể tôi) có mượn của tôi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: số CS00359/CL ngày 08/6/2017 do Sở Tài nguyên và môi trường cấp cho ông Nguyễn Văn Bình và bà Võ Thị X với diện tích 15338,8m^2, toạ lạc tại thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐH163QSDĐ/56 ngày 01/12/1997 do Uỷ ban nhân dân huyện Phước Long cũ cấp cho ông Nguyễn Văn Bình với diện tích 18900m^2 tọa lạc thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Mục đích ông Quyền mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi để vay ngân hàng lấy vốn làm ăn, do vợ chồng Đ, H2 cùng ở với bố mẹ cung làm ăn nên gia đình tôi tạo điều kiện để vay vốn làm ăn, chúng tôi có ký hợp đồng thế chấp tại ngân hàng cho H2, Đ vay vốn. Thời gian mượn sổ là đến ngày 25/4/2021 thì phải trả tiền ngân hàng rút sổ về cho gia đình tôi. Sau đó đến ngày trả nợ ngân hàng để rút sổ ra thì con gái tôi là H2 gọi điện và chở tôi lên ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bù Gia Mập (ngày 04/5/2021) để lấy sổ ra. Khi đến ngân hàng thì chỉ có tôi, H2, Đ và bà H, tôi ngồi chờ cho đến khi trả tiền xong thì bà H là người cầm 02 cuốn

sổ của tôi đi mà không đưa lại cho tôi. Lúc đó tôi nghĩ gia đình ông Quyền nhờ bà H rút sổ ra thì khi nào có tiền trả bà H sẽ đưa lại sổ cho tôi. Tuy nhiên, ngày hôm sau bà H đến nhà tôi yêu cầu tôi trả tiền thì chúng tôi nói chúng tôi không liên quan gì đến việc vay tiền của bà H nên chúng tôi không đồng ý trả nợ cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi có nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.300.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì tôi không phải là người vay tiền của bà H.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bình trình bày tại biên bản lấy lời khai:

Tôi không có vay của bà H số tiền nào cả, vợ chồng tôi có cho vợ chồng H2, Đ mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng làm ăn, nhưng tôi không nhớ cụ thể thời gian mượn, có ký ủy quyền cho H2 vay tiền chứ không nhớ là cho mượn mấy lần. H2 với Đ có hẹn đến ngày 25/4/2021 trả sổ cho vợ chồng tôi nhưng đến nay vẫn chưa trả. Bà H có đến nhà tôi nói chuyện đến khoản nợ của vợ chồng H2, Đ yêu cầu vợ chồng cùng trả tiền nhưng vợ chồng tôi không có liên quan đến khoản vay của H2, Đ nên chúng tôi không đồng ý trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu H2, Đ vợ chồng tôi có trách nhiệm lên đới trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng thì tôi không đồng ý vì vợ chồng tôi không vay tiền của bà H.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phượng trình bày tại biên bản lấy lời khai:

Tôi không có mượn sổ đất của bà X, ông Bình để vay tiền ngân hàng mà sự việc này là do Đ và H2 là người đứng ra mượn sổ của bà X, ông Bình đi vay tiền ngân hàng để lấy vốn buôn bán làm ăn với nhau chứ vợ chồng tôi không liên quan gì đến việc vay mượn này. Tôi có nghe Đ và H2 nói là có vay vốn về làm buôn bán điều và thu mua mủ cao su, tôi không biết là vay số tiền cụ thể bao nhiêu. Khi Đ và H2 vay tiền về làm ăn không có đưa tiền cho chúng tôi mà tự hai đứa quản lý. Tôi không có mượn của bà H số tiền nào cả, tôi không biết bà H là ai. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Đ, H2, bà X, ông Bình có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng thì tôi không có ý kiến gì, H2, Đ, bà X và ông Bình vay của bà H thì có trách nhiệm trả cho bà H, tôi không liên quan, hiện nay gia đình tôi đang khó khăn, làm ăn thua lỗ nên tôi không có khả năng cùng với Đ trả tiền cho bà H, Đ phải có trách nhiệm cho bà H.

7. Lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Anh Tr tại biên bản lấy lời khai:

Tôi không biết gì về việc vay mượn tiền của các bên, tôi là nhân viên ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Bù Gia Mập, bản thân tôi làm công tác cán bộ tín dụng. Vào năm 2021 (không nhớ rõ ngày tháng khoảng tháng 5) thì có khách hàng vay là Nguyễn Thị Thu H2 đến hạn trả nợ. Tôi có

liên hệ với H2 và Đ để thông báo đến hạn trả nợ ngân hàng. Nếu khách hàng muốn vay lại thì phải cầm sổ đỏ lên gặp tôi để làm thủ tục vay lại.

Đến ngày trả nợ, thì tôi thấy có chị H2 (là người vay), bà X (là chủ sổ đỏ) và bà H cùng lên gặp tôi. Lúc này thì H2 có đưa sổ đỏ cho tôi và hỏi vay lại, tôi có hỏi lại là có đồng ý vay lại không thì bà X và chị H2 đều thống nhất vay lại. Lúc này khi tôi xem lại sổ thì nói với bà X và chị H2 là nếu muốn vay lại thì được nhưng cuốn sổ này màu đỏ là sổ chưa chính quy, nên bảo với bà X và chị H2 qua Chi nhánh đất đai hỏi xem đất đã được cấp chính quy chưa rồi quay về báo lại cho tôi. Một lúc sau thì cả ba người lên gặp tôi lại thì bà X có nói với tôi là đất của cô chưa làm chính quy. Tôi có nói là nếu chưa chính quy thì để tôi báo lại với sếp thì mới thông báo có được vay lại hay không, rồi cả ba người cùng về, trước khi về thì cả bà X và bà H đều nói với tôi là cố gắng nói với sếp cho họ vay lại tiền. Sau đó thì không thấy ai liên lạc với tôi để vay tiền còn mọi việc sau đó như thế nào thì tôi không biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên quá thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu H2, Võ Quang Đ, Võ Thị X có nghĩa vụ trả liên đới cho nguyên đơn số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và lãi suất.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Bình liên đới cùng với Nguyễn Thị Thu H2, Võ Quang Đ, Võ Thị X trả cho nguyên đơn số tiền 1.300.000.000 đồng và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Xét thấy, đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ trú tại thôn Bình Đức 1, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bình, bà Trần Thị Phượng đã được tống Đ hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, ông Nguyễn Văn Bình, bà Trần Thị Phượng.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 1.300.000.000 đồng. Yêu cầu này của H chứng minh qua giấy biên nhận vay tiền ngày 04/5/2021, qua lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Xác định giữa các bên có sự vay tiền để đáo hạn ngân hàng, số tiền vay 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 ngày, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 0,2%/ ngày. Khi thực hiện giao dịch có mặt bà H, bà X, anh Đ, chị H2 và đều được sự đồng ý của các bên. Bà H đã đưa tiền cho bà X, anh Đ, chị H2 để trả tiền vào ngân hàng. Sau đó, các bên lên phòng tín dụng để tiếp tục thực hiện việc vay lại của ngân hàng để lấy tiền trả cho bà H, tuy nhiên do một trong hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X chưa được cấp đổi chính quy nên ngân hàng yêu cầu người vay phải sang chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai hỏi thông tin. Mặc dù, sau đó một ngày ngân hàng có thông báo rằng sẽ cho chị H2 vay lại số tiền này nhưng lúc này chị H2 không thực hiện việc vay lại ngân hàng để lấy tiền trả cho bà H nên dẫn đến việc tranh chấp.

Trước yêu cầu của bà H buộc bà X, anh Đ, chị H2 có nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.300.000.000 đồng thì anh Võ Quang Đ đồng ý trả nợ, còn chị H2 đồng ý nhưng với điều kiện là khi nào nhà chồng (bố mẹ chồng) trả số tiền này cho chị H2 thì chị

H2 mới có tiền trả cho bà H. Vì chị H2 cho rằng số tiền này chị đứng ra vay về là để cho gia đình chồng lăm ăn buôn bán điều, cao su, bản thân chị H2 không tiêu dùng số tiền này. Xét thấy, lời trình bày này của chị H2 là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào hồ sơ vay vốn thì chỉ thể hiện chị H2 là người đứng ra vay vốn ngân hàng từ năm 2018, ông Bình, bà X làm thủ tục ủy quyền 02 mảnh đất để chị H2 thể chấp ngân hàng đảm bảo cho việc vay số tiền này. Năm 2019 và 2020 chị H2 và bà X là người vay tiền để đáo hạn ngân hàng số tiền này. Như vậy, bản thân chị H2 là người vay tiền, vì muốn có tiền trả nợ ngân hàng nên chị H2 đã cùng với bà X, anh Đ hỏi vay tiền của bà H để đáo hạn ngân hàng (đáo hạn là trả tiền ngân hàng nhưng sau đó lại vay lại số tiền này). Điều này được thể hiện qua giấy vay tiền của bà H và giấy vay tiền năm 2020 và cũng là chính từ lời khai thừa nhận của chị H2 về nội dung năm 2020 chị và bà X có vay của bà Hồng số tiền 1.300.000.000 đồng để đáo hạn cho khoản vay này và vay lại để đến năm 2021 là đến hạn trả nợ. Vì vậy, cần buộc chị H2 phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả nợ cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng.

Đối với việc bà X cho rằng việc vay mượn là không liên quan đến bà X, H2 và Đ là người vay bà X không vay tiền của bà H. Tuy nhiên qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn anh Võ Quang Đ, người làm chứng đều thể hiện mặc dù bà X không ký tên vào giấy biên nhận vay tiền ngày 04/5/2021 nhưng căn cứ vào tiến trình vụ việc thì có thể thấy rằng bà X, ông Bình là người ủy quyền 02 mảnh đất cho chị H2 để đi thế chấp ngân hàng vay số tiền 1.300.000.000 đồng mà không phải ủy quyền cho anh Đ. Trong trường hợp mà chị H2 không trả nợ cho ngân hàng thì 02 mảnh đất của gia đình bà sẽ bị ngân hàng khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ. Từ đó, bà X và Đ đã liên hệ với bà H để vay tiền đáo hạn ngân hàng, khi đáo hạn xong sẽ có tiền trả lại cho bà H ngay hôm sau. Đến ngày trả nợ, chính bà X cũng cùng với H2, Đ đến ngân hàng gặp bà H để làm thủ tục trả ngân hàng và vay lại. Các bên có thỏa thuận với nhau và viết giấy vay với nhau tại ngân hàng, việc bà X không ký vào giấy vay là cố tình trốn tránh nghĩa vụ với bà H ngay từ lúc đầu. Đồng thời, khi lên làm thủ tục hỏi vay lại tại phòng tín dụng chính bà X cũng là người lên hỏi và xin làm cho nhanh để vay lại số tiền này trả nợ. Đồng thời, bà cũng là người trực tiếp đi hỏi thủ tục bên chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai. Bà chỉ thay đổi không tiếp tục vay nữa là ngày hôm sau khi bà H liên lạc yêu cầu bà cùng chị H2, anh Đ lên ngân hàng làm thủ tục vay lại thì bà không đồng ý. Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để buộc bà Võ Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng là phù hợp.

Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H buộc bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

* Về số tiền lãi suất:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ trả số tiền lãi suất tính từ ngày 05/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/7/2023 theo mức lãi suất 10%/năm được tính như sau:

1.300.000.000 đồng x 26 tháng 13 ngày x 10%/năm = 286.356.000 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất mà bà H yêu cầu là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên yêu cầu về lãi suất của bà H được chấp nhận, buộc bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ có vay của bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà H với tổng số tiền tính đến ngày 18/7/2023 là 286.356.000 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên**:***

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 1.300.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)* và số tiền lãi là 286.356.000 đồng *(Hai trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng)*

Tổng số tiền phải trả là: 1.586.356.000 đồng *(Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị X, chị Nguyễn Thị Thu H2, anh Võ Quang Đ có nghĩa vụ liên đới phải nộp 59.580.000 đồng *(Năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)*

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 32.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006051 ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Bù Gia Mập;*
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ TUYẾT